HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO VIỆT NAM – EFTA (VEFTA)

Chuyên đề: "Ưu đãi thuế quan trong VEFTA – Cơ hội cho hàng hóa xuất nhập khẩu Việt Nam"

Cục Quản lý nợ và Kinh tế đối ngoại – Bộ Tài chính

Tháng 11/2026

CẤU TRÚC BÀI TRÌNH BÀY

Phần I: Tổng quan chung về VEFTA

Phần II: Cam kết thuế quan của các nước EFTA và ưu đãi đối với một số nhóm hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam

Phần III: Cam kết thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu của Việt Nam và ưu đãi đối với một số nhóm hàng nhập khẩu từ EFTA

Phần IV: Tận dụng ưu đãi từ Hiệp định

PHẦN I: TỔNG QUAN CHUNG VỀ VEFTA

• Là Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và 4 nước thành viên Hiệp hội Mậu dịch tự do châu Âu (EFTA), gồm Thụy Sỹ, Na Uy, Iceland và Liechtenstein.

• Được ký kết vào ngày 18/10/2026 tại Hà Nội.

• Nội dung chính: (1) Xóa bỏ thuế quan cho hàng hóa; (2) Mở cửa thị trường dịch vụ; (3) Thúc đẩy đầu tư; (4) Bảo hộ sở hữu trí tuệ; (5) Phát triển bền vững; (6) Hợp tác tạo thuận lợi thương mại; (7) Hợp tác doanh nghiệp vừa và nhỏ; (8) Các nội dung khác.

HỆ THỐNG HIỆP ĐỊNH FTA VIỆT NAM LÀ THÀNH VIÊN

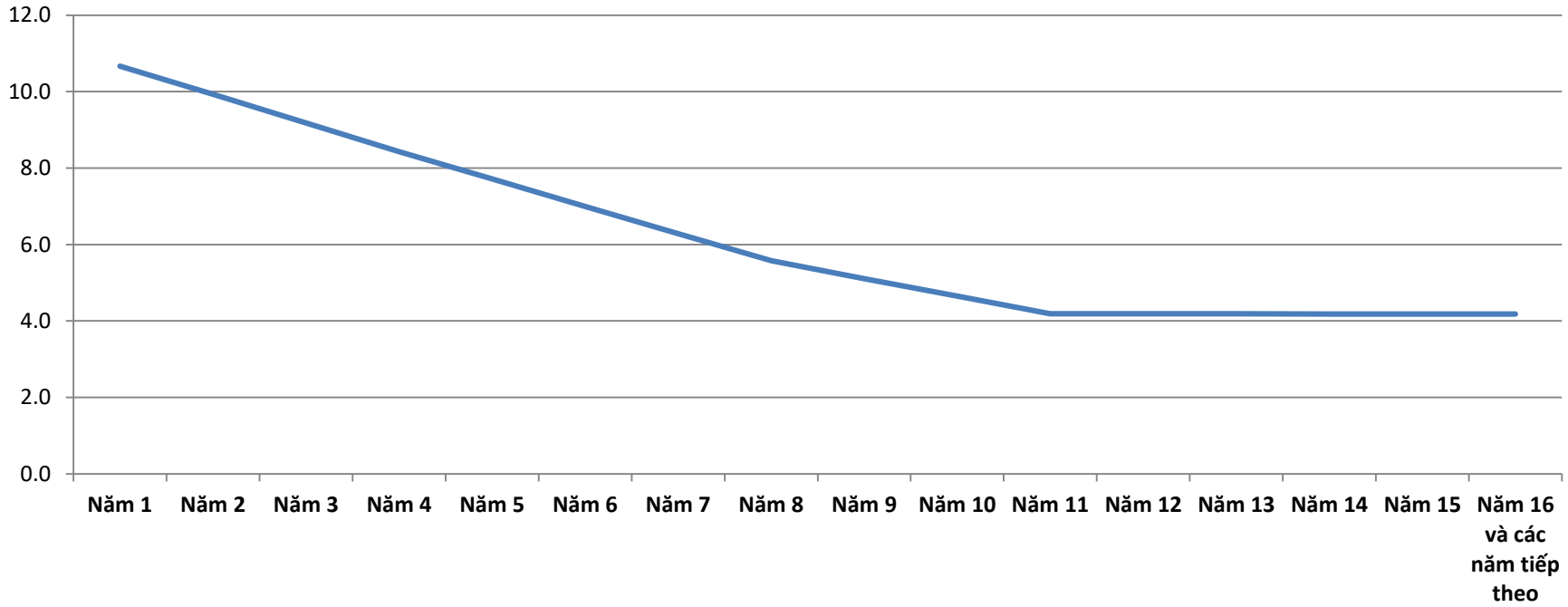
Khuôn khổ FTA	Năm hiệu lực	Năm hoàn thành	Tỉ lệ dòng thuế 0% vào năm hoàn thành
1.ASEAN	1999	2018	98%
2.ASEAN -Trung Quốc	2005	2020	90% (với Trung Quốc là 86%)
3.ASEAN - Hàn Quốc	2007	2021	87%
4.ASEAN - Úc - Niu Di-lân	2009	2022	90%
5.ASEAN - Ấn Độ	2010	2024	74%
6.ASEAN - Nhật Bản	2008	2025	87%
7.Việt Nam - Nhật Bản	2009	2026	92%
8.Việt Nam - Chi-lê	2014	2029	89%
9.Việt Nam - Hàn Quốc	20/12/2015	2029	88%
10.Việt Nam - LMKTAA	05/10/2016	2027	87,1%
11.CPTPP	14/01/2019	2034	98,02%
12. Việt Nam - Hồng Kông, Trung Quốc	11/6/2019	2032	72%
13. Việt Nam - Liên minh Châu Âu	01/8/2020	2035	100%
14. RCEP	01/01/2022	2056	85,6% - 90,3%
15. Việt Nam - Anh	01/5/2022	2035	100%
16. Việt Nam - Israel	15/10/2024	2033	85.8%
17. Việt Nam - UAE	03/02/2026	2036	90.3%
18. Việt Nam – EFTA	(2026)	(2041)	86.7%

Nguồn: Bộ Tài chính tổng hợp

THUẾ SUẤT BÌNH QUÂN VEFTA

Thuế suất bình quân nhập khẩu ưu đãi đặc biệt (*)

Khuôn khổ VEFTA	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Năm 5
	10,7	9,9	9,2	8,4	7,7



TỶ LỆ TỰ DO HÓA

Việt Nam:
Tỷ lệ tự do hóa theo dòng thuế: 86,7%
Tỷ lệ tự do hóa theo kim ngạch: 100%

EFTA
Tỷ lệ tự do hóa theo dòng thuế: 90%
Tỷ lệ tự do hóa theo kim ngạch: 99,5%

Phần II: Cam kết thuế quan của các nước EFTA

Thụy Sỹ và Liechtenstein	Xóa bỏ thuế quan ngay với khoảng 85% số dòng thuế, trong đó xóa bỏ thuế quan với khoảng 40% mặt hàng nông nghiệp (bao gồm các mặt hàng cà phê, hầu hết mặt hàng rau quả, các mặt hàng ngũ cốc,…), và 100% với mặt hàng công nghiệp (bao gồm toàn bộ mặt hàng thủy sản, dệt may, điện tử, sắt thép, nhựa, cao su,…)
Na Uy	Xóa bỏ thuế quan ngay với hơn 90,7% số dòng thuế, trong đó, xóa bỏ thuế quan với 53% mặt hàng nông nghiệp (bao gồm các mặt hàng cà phê, ca cao, đồ uống, hầu hết mặt hàng rau quả,thịt, mỡ động vật,…), và 100% với mặt hàng công nghiệp (bao gồm toàn bộ mặt hàng thủy sản, dệt may, điện tử, sắt thép, nhựa, cao su,…)
Iceland	Xóa bỏ thuế quan ngay với hơn 94% số dòng thuế, trong đó, xóa bỏ thuế quan với 74% mặt hàng nông nghiệp (bao gồm các mặt hàng rau quả, cà phê, gạo,…) và gần 100% với mặt hàng công nghiệp (bao gồm toàn bộ mặt hàng thủy sản, dệt may, điện tử, sắt thép, nhựa, cao su,… trừ 1 dòng hàng dịch đạm cá ủ chua (mã 2309.90.05))

Phần III: Cam kết thuế quan của Việt Nam

Cam kết thuế xuất khẩu của Việt Nam

Việt Nam chỉ cam kết đối với 69 dòng thuế (duy trì thuế suất cơ sở hoặc cắt giảm có lộ trình sau 5-10-15 năm) với mức độ cắt giảm không vượt quá mức thuế suất thấp nhất quy định tại khung thuế suất thuế xuất khẩu đối với từng nhóm hàng chịu thuế ban hành kèm theo Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu 2016 và áp dụng cơ chế "rà soát" trong tương lai (trong vòng 5 năm Hiệp định có hiệu lực) đối với những dòng thuế các nước thành viên EFTA đã thể hiện quan tâm.

Cam kết	Số dòng thuế
Duy trì thuế suất cơ sở	46
Duy trì thuế suất cơ sở và giảm về 20% sau 5 năm	9
Duy trì thuế suất cơ sở và giảm về mức thuế thấp nhất theo khung thuế sau 5 năm	1
Duy trì thuế suất cơ sở và giảm về mức thuế thấp nhất theo khung thuế sau 15 năm	5
Cắt giảm về mức thuế thấp nhất theo khung thuế sau 10 năm	6
Cắt giảm về mức thuế thấp nhất theo khung thuế sau 15 năm	0,04%
Không cam kết	13,81%

Phần III: Cam kết thuế quan của Việt Nam

Cam kết thuế nhập khẩu của Việt Nam

Cam kết	Tỷ lệ
Xóa bỏ thuế quan ngay	38,56%
Xóa bỏ thuế quan sau 3 năm	0,67%
Xóa bỏ thuế quan sau 7 năm	15,66%
Xóa bỏ thuế quan sau 5 năm	0,67%
Xóa bỏ thuế quan sau 10 năm	27,94%
Xóa bỏ thuế quan sau 15 năm	0,04%
Giảm về 5% sau 10 năm	0,34%
Giảm về 5% sau 12 năm	0,02%
CKD	2,31%
Không cam kết	13,81%

Phần III: Cam kết thuế quan của Việt Nam

Cam kết thuế nhập khẩu của Việt Nam

Nhóm hàng	Mức độ cam kết
Thủy sản	Xóa bỏ sau tối đa 10 năm
Máy điện và thiết bị điện; máy ghi và tái tạo âm thanh, hình ảnh	Xóa bỏ sau tối đa 10 năm
Dược phẩm	Xóa bỏ sau tối đa 10 năm
Đồng hồ thời gian và đồng hồ cá nhân	Xóa bỏ sau tối đa 10 năm
Lò phản ứng hạt nhân, nồi hơi, máy và thiết bị cơ khí	Xóa bỏ sau tối đa 10 năm
Dụng cụ, thiết bị quang học, nhiếp ảnh, đo lường, kiểm tra, y tế hoặc phẫu thuật	Hầu hết xóa bỏ ngay

Phần IV: Tận dụng ưu đãi thuế quan từ Hiệp định

HỆ THỐNG VBQPPL THỰC HIỆN CÁC FTA

Bộ Tài chính:

Cam kết về thuế quan: Nghị định Biểu thuế xuất khẩu ưu đãi, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt thực hiện các FTA theo từng giai đoạn

Cam kết về hải quan và tạo thuận lợi thương mại: Nghị định, Thông tư liên quan về quản lý hải quan

18 NGHỊ ĐỊNH BIỂU THUẾ FTA ĐANG CÓ HIỆU LỰC

1. Việt Nam – Chi Lê	Nghị định số 112/2022/NĐ-CP
2. Việt Nam – Liên minh kinh tế Á-Âu	Nghị định số 113/2022/NĐ-CP
3-4. Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP)	Nghị định số 115/2022/NĐ-CP Nghị định số 68/2023/NĐ-CP (sửa đổi NĐ 115)
5. Việt Nam – Liên minh châu Âu	Nghị định số 116/2022/NĐ-CP
6. Việt Nam – Anh	Nghị định số 117/2022/NĐ-CP
7. ASEAN – Trung Quốc	Nghị định số 118/2022/NĐ-CP
8. ASEAN – Hàn Quốc	Nghị định số 119/2022/NĐ-CP
9. ASEAN – Nhật Bản	Nghị định số 120/2022/NĐ-CP
10. ASEAN – Úc - Niu Di-lân	Nghị định số 121/2022/NĐ-CP
11. ASEAN – Ấn Độ	Nghị định số 122/2022/NĐ-CP
12. ASEAN – Hồng Kông, Trung Quốc	Nghị định số 123/2022/NĐ-CP
13. ASEAN – Nhật Bản	Nghị định số 124/2022/NĐ-CP
14. Việt Nam – Hàn Quốc	Nghị định số 125/2022/NĐ-CP
15. ASEAN	Nghị định số 126/2022/NĐ-CP
16. Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện (RCEP)	Nghị định số 129/2022/NĐ-CP
17. Việt Nam - Israel	Nghị định số 131/2024/NĐ-CP
18. Việt Nam - CEPA	Nghị định số 143/2026/NĐ-CP
19. Việt NAM - EFTA	Chuẩn bị quá trình dự thảo Nghị định

NGUYÊN TẮC XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH BIỂU THUẾ

1. Đảm bảo tính kế thừa, ổn định áp dụng, đặc biệt là các quy định về điều kiện hưởng ưu đãi tương tự các FTA khác

2. Đảm bảo việc thực thi thuế quan tại Hiệp định tuân thủ hoàn toàn cam kết của Việt Nam

3. Rõ ràng về pháp lý, tạo thuận lợi trong thực thi

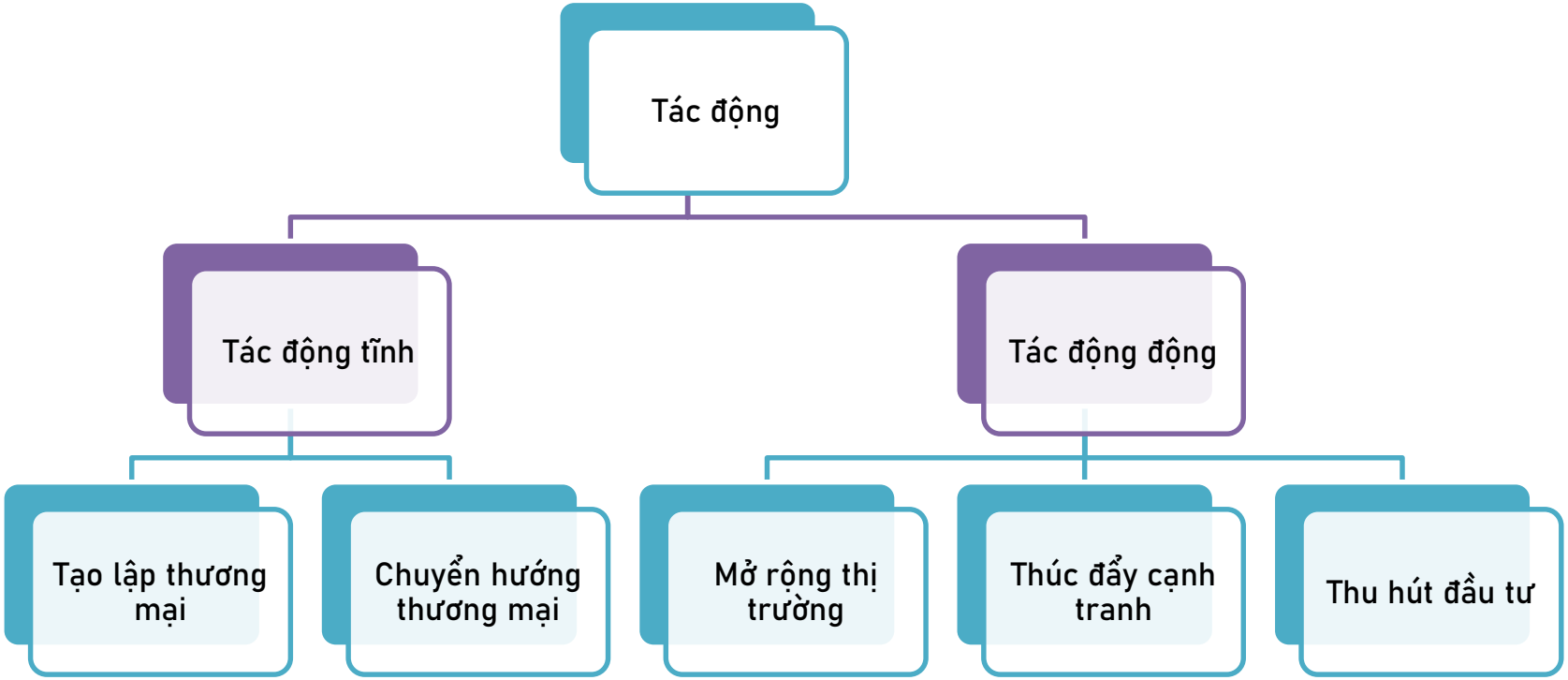
DỰ KIẾN ĐIỀU KIỆN ÁP DỤNG THUẾ NHẬP KHẨU ƯU ĐÃI ĐẶC BIỆT

- Thuộc biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt
- Được nhập khẩu vào Việt Nam từ các nước thành viên của Hiệp định
- Đáp ứng các quy định về xuất xứ hàng hoá (bao gồm cả quy định về vận chuyển trực tiếp) và có chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hoá theo quy định của Hiệp định

DỰ KIẾN ĐIỀU KIỆN ÁP DỤNG THUẾ XUẤT KHẨU ƯU ĐÃI

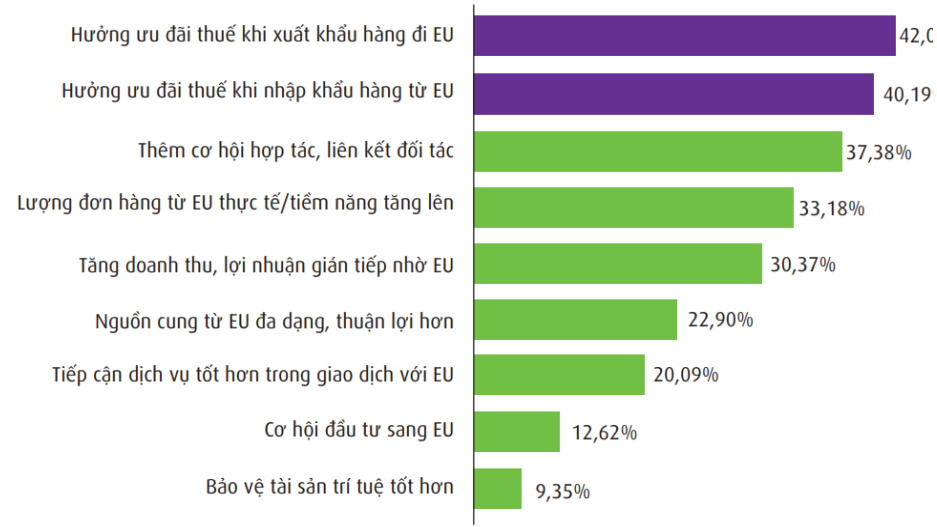
- Thuộc biểu thuế xuất khẩu ưu đãi
- Được xuất khẩu từ Việt Nam vào các nước thành viên của Hiệp định
- Đáp ứng các quy định về xuất xứ hàng hoá (bao gồm cả quy định về vận chuyển trực tiếp) và có chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hoá hoặc chứng từ chứng minh nhập khẩu vào nước thành viên theo quy định của Hiệp định

TÁC ĐỘNG THỰC THI CAM KẾT CẮT GIẢM THUẾ NHẬP KHẨU VEFTA



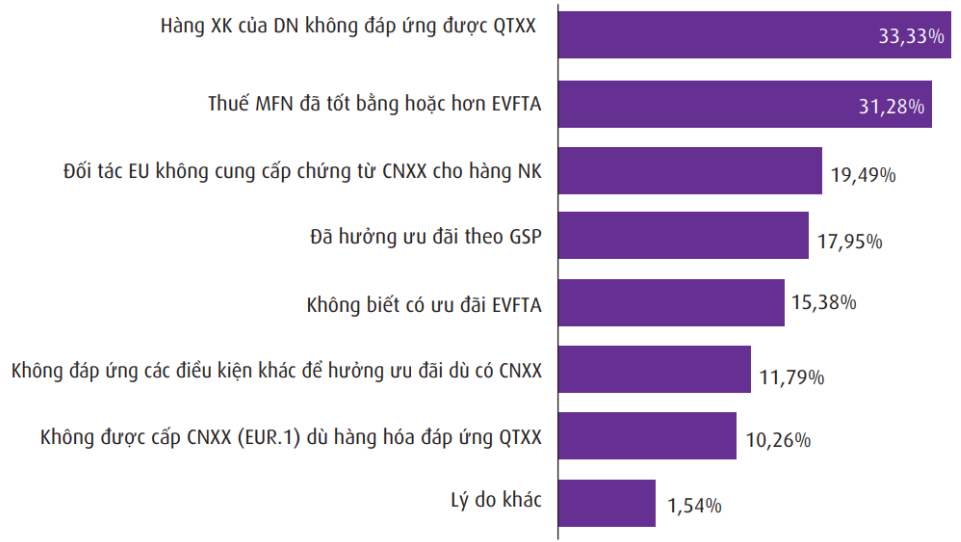
THỰC THI FTA CỦA DOANH NGHIỆP

Các lợi ích cụ thể mà doanh nghiệp ghi nhận sau 02 năm thực thi EVFTA



Nguồn: Khảo sát của VCCI năm

Các lý do khiến doanh nghiệp chưa tận dụng được ưu đãi thuế quan EVFTA

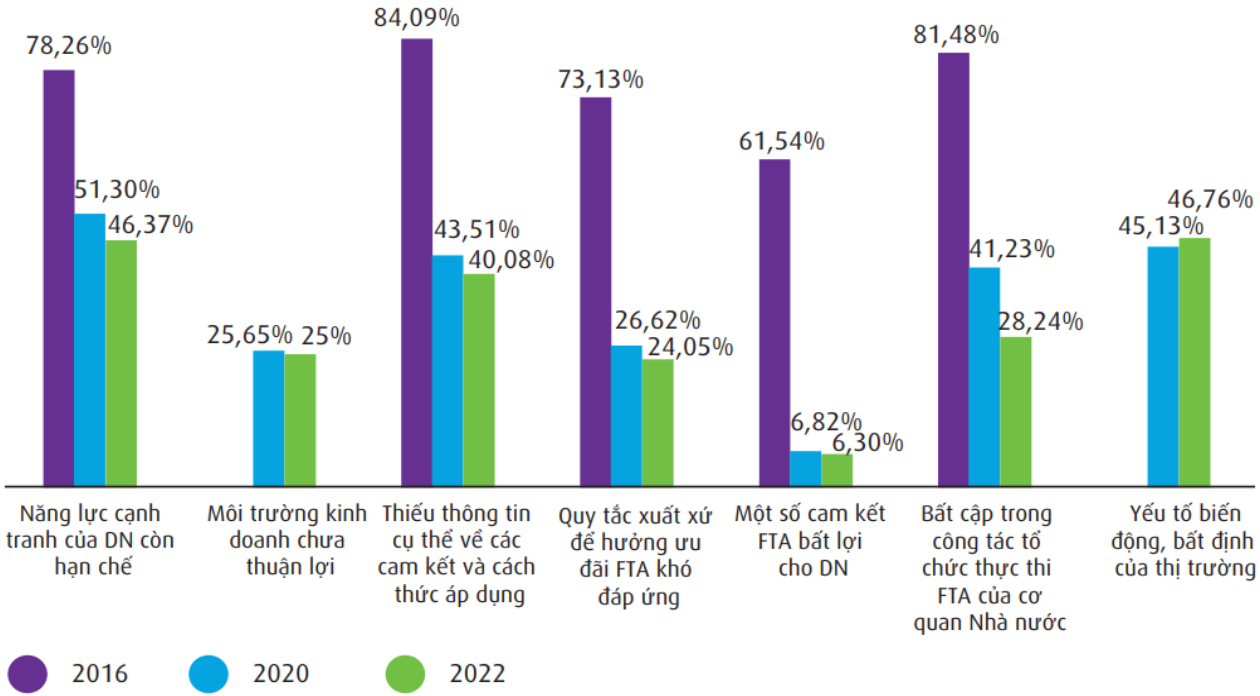


Nguồn: Khảo sát của VCCI năm 2022

- Ưu đãi thuế quan là lợi ích lớn nhất mà doanh nghiệp nhận diện được
- Có nhiều lý do khiến doanh nghiệp chưa tận dụng được ưu đãi thuế quan: quy tắc xuất xứ, chênh lệch thuế suất,…

THỰC THI FTA CỦA DOANH NGHIỆP

Những yếu tố cản trở doanh nghiệp hưởng lợi từ các FTA



Nguồn: Khảo sát của VCCI 2016, 2020, 2022

Có nhiều rào cản khách quan và chủ quan ảnh hưởng đến tận dụng ưu đãi từ các FTA của doanh nghiệp

KHUYẾN NGHỊ DÀNH CHO DOANH NGHIỆP

• Chủ động tìm hiểu các cam kết (thuế quan, thủ tục, hồ sơ,…), tác động của chúng và có sự chuẩn bị, hành động thích hợp trong bối cảnh các Nghị định thuế được ban hành theo lộ trình khá dài.

• Tăng cường tìm hiểu, nghiên cứu các quy định trong các FTA, thị trường nhập khẩu nhằm đảm bảo tận dụng và khai thác tối đa lợi ích từ FTA, chủ động nghiên cứu kỹ để xác định thị trường tối ưu nhất trong giá trị nhập khẩu và mở rộng mạng lưới đối tác để đa dạng hóa nguồn cung.

• Điều chỉnh quy trình sản xuất để đáp ứng các yêu cầu của FTA như Quy tắc xuất xứ, nâng cao cạnh tranh

•Tăng cường hợp tác, liên kết giữa các doanh nghiệp, Hiệp hội

XIN CẢM ƠN